TRỤC 1 ĐẦU BẬC CÓ 1 ĐẦU REN TRONG, CÓ RÃNH THEN

ONE END STEPPED SHAFT - ONE END FEMALE THREAD – KEYWAY

Mã đặt hàng/Order

Mã Loại *Type code*	- D	- H	- d	- B	- M	- RX	- X	- RP	- P	-
										A
										B
										C
EX: LAKS	- D25	- H300	- d20	- B30	- M8	- RX10	- X10	- RP30	- P15	- A

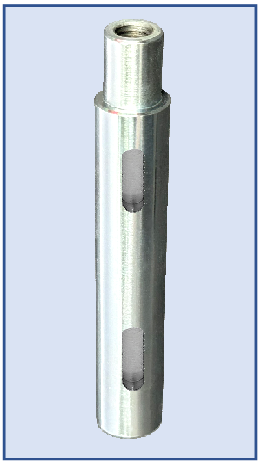

Thông số kích thước có thể tùy chỉnh
Dimensions can be customized

Kích thước then tra cứu ở bảng 1 trang 35

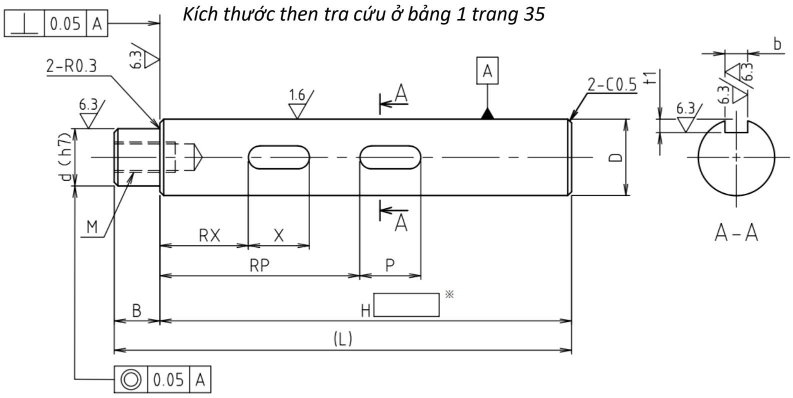

Loại *Type*	Vật liệu *Materials*	Độ cứng *Hardness*	Xử lí bề mặt *Surface Treatment*
LAKS	T.Đương SUJ2 *SUJ2 Equiv.*	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr *Hard Chrome Plating*
CLAKS	S45C		
SLAKS	SUS304		

Loại *Type*	Đường kính *Diameter*				H (Gia số 1mm) *(1mm Increment)*	B	d	M	RX, X	RP, P
	Dung sai *Tolerance* / D	g6		h7						
		SUJ2	S45C	SUS304						
LAKS CLAKS SLAKS	10	○	○	○	25-800	2 ≤ B ≤ d×4	6 – 8	3 – 6	0 ≤ RX+X ≤ H b ≤ X ≤ 100	0 ≤ RP+P ≤ H b ≤ P ≤ 100
	12	○	○	○	25-1000		6 – 10	4 – 8		
	13		○				6 – 11			
	15			○			6 – 13	4 – 10		
	16	○	○				6 – 14			
	20	○	○	○	25-1500		8 – 17	4 – 12		
	25	○	○	○			8 – 22	4 – 16		
	30	○	○				9 – 27	4 – 20		

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.

GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE

DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh H *Customized length H*	Dung sai yêu cầu	Dung sai *Tolerance*	Áp dụng cho H *Apply to H*
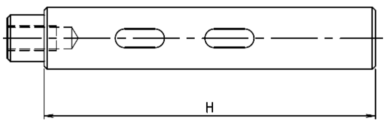 H	A	±0.03	H ≤ 600
	B	±0.05	H ≤ 800
	C	±0.1	H ≤ 1000

※ *Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)*